

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ CƠ THỂ KÌ ĐIỀU CỦA BÉ

LỚP MGG 3,4,5 T

Thực hiện 30/09 đến 18/10/2024

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	Ghi chú
			Chung	Riêng		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất						
1) Phát triển vận động						
a) Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp						
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên	- Tay: Bắt chéo 2 tay trước ngực	* HDH: * TDS: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, Bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng , lườn: Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) - Chân: Ngồi xôm, đứng lên, Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. (Tập trong bài tập BTPTC của hoạt động học trong chủ đề)	
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Lưng, bụng , lườn: Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái)	- Chân: Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.		
3	5	Trẻ thực hiện đúng, thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	* 3,4 T: ` Ngồi xôm, đứng lên			
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện			* HDH: TD: - 3+4T : Bò chui qua qua cổng	

		bài tập tổng hợp: - Bò chui qua qua cổng - Bật về phía trước	3+4T : - Bò chui qua qua cổng - Bật: (3 tuổi: về phía trước ; 4 tuổi: Liên tục về phía trước; 5 tuổi: liên tục vào vòng)		5t: Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m - 3t: Bật về phía trước 4t: Bật liên tục về phía trước 5t: Bật liên tục vào vòng * HDC: - Trong giờ chơi buổi chiều GV cho trẻ chơi bật... - TCM: Tìm đúng nhà, chạy tiếp cờ	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò chui qua qua cổng - Bật liên tục về phía trước				
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m - Bật liên tục vào vòng		Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m		
c. Các cử động của bản tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng 1 số đồ dùng						
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau	` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		* HĐ chơi theo ý thích: - Chơi trò chơi ở các góc chơi + Góc âm nhạc: Vận động múa theo các bài hát trong chủ đề. + Góc tạo hình: Chơi với các ngón tay, nặn một bộ	
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay.	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuột, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....			

		` Gập, mở, các ngón tay.			phần cơ thể, nặn hình người.... TCM: Tạo Dáng	
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.			
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. ` Vẽ được hình tròn theo mẫu. ` Xếp chồng 8-10 khối không đổ. ` Tự cài, cởi cúc.	* 3,4,5T: ` Cài, cởi cúc * 3, 4T: ` Vẽ (3 tuổi: nguyệt ngoạc; 4 tuổi: hình) * 4,5 T ` Xâu, buộc dây	` Xếp chồng các hình khối khác nhau	* HĐ Tự phục vụ: - Hướng dẫn trẻ tự cài dép, ba lô, cài cúc, cởi cúc áo,... * HĐ chơi theo ý thích: Trẻ chơi các góc chơi: - Góc xây dựng: Xếp chồng các hình khối, lắp ghép hình xây nhà; Xếp khu vui chơi... - Góc tạo hình: Cắt, vẽ một số bộ phận còn thiếu trên cơ thể bé,... - Góc học tập: Trẻ vẽ, tô đồ theo nét chữ cái a, ă, â theo đường in mờ...	
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người, nhà, cây. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		` Lắp ghép hình		
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử		` Đồ theo		

		động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Tụ cái, cời cục, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mớ tuya)		nét ` Kéo khóa (Phéc mớ tuya), luồn		
--	--	---	--	--	--	--

2) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

a. Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	` Nhận biết một số thực phẩm (3 tuổi: quen thuộc; 4 tuổi: thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng;)	* <i>HD chơi theo ý thích:</i> - Xem tranh ảnh, lô tô, Trò chuyện một số thực phẩm, món ăn hàng ngày. - Trò chuyện, quan sát các thực phẩm trên tháp dinh dưỡng - Thăm quan nhà bếp - Chơi nấu ăn * <i>HĐC:</i> - Góc phân vai: Trẻ chơi nấu ăn * <i>HD ăn ngủ vệ sinh:</i> - <i>Giờ ăn:</i> Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh	
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.			
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - ` Thực phẩm giàu chất đạm:			

		thịt, cá... -` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		dưỡng.	
25	3	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.		
26	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. Nhu cầu của bản thân sử dụng thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí, tiết kiệm thức ăn, không kén chọn thức ăn		
27	5				
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. -` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	* HDH: - Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh * HD ăn ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: + Trò chuyện cùng trẻ về ăn uống đủ lượng, đủ chất và mối liên quan giữa ăn uống và bệnh tật. * Hoạt động chơi: - Góc phân vai: Trẻ chơi vai nấu ăn, biết	
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe			

		mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		biết chọn các thực phẩm có đủ chất dinh dưỡng để nấu.	
b. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt					
31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng.	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	* HD ăn ngủ vệ sinh: - Giờ vệ sinh: + HD: Trẻ rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi ăn. + Lau mặt, đánh răng trước khi ăn, sau đi khi ăn, khi ngủ dậy.
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	` Biết rửa tay đúng cách, sát khuẩn tay trước khi vào trường, lớp. ` Biết xúc miệng bằng nước muối loãng, đeo khẩu trang đúng cách khi đi ra ngoài nơi công cộng.		- Trẻ biết sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, đi vệ sinh đúng nơi qui định - Trẻ biết xúc miệng bằng nước muối loãng
33	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	* 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	* HD chơi theo ý thích: giờ đón trả trẻ - Trò chuyện với trẻ, đánh răng, lau mặt khi ngủ dậy, sau khi ăn. - Xem tranh ảnh, video

		` Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng			cách đánh răng, lau mặt.	
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống		*HD ăn ngủ vệ sinh: - Giờ ăn: + Hướng dẫn trẻ cầm thìa xúc và ăn đúng cách. + Trò chuyện ăn uống văn minh lịch sự: ăn không để vãi cơm... + Trẻ thực hành cầm bát thìa ăn cơm.	
35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.				
36	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo				
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. ` Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn đầy đủ các chất để phòng chống covid 19.		* HD Ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: + Hướng dẫn trẻ có thói quen tốt trong ăn uống biết mời cô, mời bạn trước khi ăn + Cô trò chuyện với trẻ và giáo dục trẻ ăn uống đủ chất để phòng chống các lại dịch bệnh + Hướng dẫn trẻ ăn chậm, nhai kỹ + Nhắc trẻ không uống	
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Không uống nước lã.				
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.				

		` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</p> <p>` Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường			nước lã, ăn quả vật trong lớp, Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn...	
40	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	* 3, 4, 5 tuổi: ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (4+5 tuổi:	` Nhận biết trang phục theo thời tiết.	*HĐ chơi theo ý thích: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện, xem tranh ảnh một số hành vi vệ sinh, phòng bệnh. Trò chuyện với trẻ về thời tiết và ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học..	
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	Cách phòng tránh đơn giản; 5 tuổi: , Nguyên nhân)		- Chơi theo ý thích: Cô trò chuyện với trẻ và nhắc trẻ đội mũ áo khi ra nắng,... Nghe kể chuyện: Gấu con bị sâu răng	
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng		Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết Giữ đầu tóc quần áo gọn gàng, sạch sẽ.		

		ngủ dậy. Ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. `Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng</p> <p>`Đi vệ sinh đúng nơi quy định.				
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
a) Khám phá khoa học						
* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng						
56		Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.			* HĐ chơi theo ý thích: Tìm hiểu chức năng các giác quan và các bộ phận trên cơ thể. - Cô trò chuyện, cho trẻ quan sát các giác quan.	
57	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	* 3,4,5 T: `Chức năng các giác quan và (một số bộ phận khác của cơ thể (3T); các bộ phận khác của cơ thể (4,5T)		- Chơi ngoài trời: Trải nghiệm: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	
58		Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các				

		vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.			
59		Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.			
60		Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.			
62	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.			
63		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/			

		đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.			
64		Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.			
65		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.			
66		Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...			
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về			

		đặc điểm của đối tượng.				
68		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.				
69		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.				
70		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát				
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>						
<i>* Nhận biết số đếm, số lượng</i>						
114	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của		` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước -	* HD Học: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ	

		đối tượng trong không gian và bản thân.		phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	và so với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn (Phía phải, Phía trái)	
115	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (với một vật nào đó làm chuẩn 5T)		- Xác định vị trí đồ vật: Phía trên - Phía dưới; Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ so với vật khác với vật nào đó làm chuẩn.	
116	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.		Xác định vị trí trong - ngoài của một vật so với vật khác. (cs108)	* HD chơi theo ý thích: Chơi theo ý thích buổi chiều GV cho trẻ xác định vị trí trong, ngoài của 1 vật so với vật khác.	

C) Khám phá xã hội

121	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (vị trí của trẻ trong gia đình 5T)	` Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	* HDH: - Bé giới thiệu mình * HD chơi theo ý thích: - Giờ đón trả trẻ: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi.	
122	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện				
123	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.				

140	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội:	Đặc điểm nổi bật của	Ngày hội của bà, của mẹ 20/10 ngày phụ nữ Việt Nam	* HĐH: - KPXH: - Trò chuyện về ngày 20/10 * HĐ chơi theo ý thích Trong giờ chơi buổi chiều: Trò chuyện với trẻ về ngày hội 20/10, ngày của bà, mẹ.	
142	4	Ngày hội của bà, của mẹ 20/10, ngày phụ nữ Việt Nam Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	ngày lễ hội: Ngày hội của bà, của mẹ 20/10, ngày phụ nữ Việt Nam			
144	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày 20/10 mẹ con được nghỉ, con tặng quà cho cô giáo."				

III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

149	3	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	` Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc	* HĐ chơi theo ý thích: chơi ngoài trời, góc ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, lô tô đồ dùng, đồ chơi. ` Cho trẻ nói các từ khái quát về đồ dùng, đồ chơi trẻ quan sát: Đồ chơi ngoài trời, đồ chơi vận động...	
150	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	` Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		
151	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng đồ dùng học tập...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		
152	3	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi	* 3,4,5 T: - Nghe hiểu nội dung các	* HDC: kể chuyện - Kể chuyện	

		của người đối thoại.	câu đơn, câu mở rộng (câu phức 4,5T) - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ		cho trẻ nghe: Truyện: Gấu con bị sâu răng - HD chơi ở góc âm nhạc: Nghe các bài hát, bài thơ,..		
153	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.					
154	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại					
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày							
155	3	Trẻ nói rõ các tiếng mắt, mũi, miệng, tay, chân....	- Phát âm các tiếng 3T: của tiếng việt; 4T:có chứa các âm khó; 5T: có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau) về bản thân, các giác quan trên cơ thể. * 3,4T: Trả lời và đặt các câu hỏi ‘Ai? Cái gì?’		* HD chơi theo ý thích: - Chơi ở các góc chơi: Góc học tập: + Hướng dẫn trẻ phát âm các từ trong từ khó về chủ đề bản thân khi cho trẻ tham gia các hoạt động. Giờ Vệ sinh: - Trẻ biết nói nhu cầu của bản thân: Con muốn đi vệ sinh, con muốn uống nước,...		
156		Trẻ sử dụng được các từ thông dụng về bản thân trẻ...					
157	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được tên tuổi, giới tính.					
158		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ chỉ giác quan, các bộ phận trên cơ thể.					
159	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về các giác quan, các bộ phận trên cơ thể.		Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?".			
160		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ chỉ giác quan, các bộ phận trên cơ thể.					

				Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"		
161	3	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép về bản thân trẻ.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (3T: câu đơn mở rộng: 4T: câu đơn ghép)		* HĐ chơi theo ý thích: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện, xem tranh ảnh, kể về bản thân. * HĐ ăn ngủ, vệ sinh: Giờ Vệ sinh: - Trẻ biết nói nhu cầu của bản thân: Con muốn đi vệ sinh, con muốn uống nước,...	
162	4	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định về bản thân trẻ.				
163	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh về bản thân trẻ.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.			
167	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		* HĐ học: + Nghe kể chuyện Gấu con bị sâu răng + Đọc thơ - Thơ: Tay ngoan, - Hoạt động chơi: + HĐ chơi theo ý thích: + Đồng dao: Dung dăng dung dẻ;... - Thơ: Tay ngoan. + Truyện kể " Gấu con bị đau	
168	4					
169	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.				
170		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..				

					răng + Cho trẻ đọc đồng dao: dung dăng dung dẻ + Câu đố về bộ phận trên cơ thể...	
171	3	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe. Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)		* HD học: ` Kể truyện: "Gấu con bị sâu răng" * HD chơi theo ý thích: Trò chuyện xem tranh ảnh, nghe kể chuyện: Gấu con bị sâu răng, đọc truyện đọc "Giấc mơ kỳ lạ"	
172	4	Trẻ kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.				
173	5	Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định				
178	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	` Sử dụng các từ (3,4T: biểu thị sự lễ phép; biểu cảm hình tượng 5T)		*HDC: -Trẻ chơi ở các góc trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp....	
179	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.				
180	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống.				
3. Làm quen với việc đọc viết						
184	3	Trẻ đề nghị người khác đọc	* 3,4,5T: ` Xem và đọc	` Cầm sách đúng chiều.	* HD chơi theo ý thích:	

		sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	các loại sách khác nhau. ` Làm quen	mở sách, xem sách và đọc truyện.	- HDG: + Góc học tập: ` Xem sách tranh ảnh thơ truyện trong chủ đề bản thân	
185	4	Trẻ biết chọn sách để xem.	với cách đọc và viết tiếng việt:		- HDNT: Góc thư viện: ` Hướng dẫn trẻ cách mở sách. cách đọc sách	
186		Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")	+ Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết			
187	5	Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem.	của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu			
188		Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	` Giữ gìn (Bảo vệ 4-5T) sách. * 4-5 T:			
189		Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. ` "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.			
195	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	* 4,5T:		* HD học: ` LQCC: a,ă,â ` Tập tô: a,ă,â	
196	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	` Nhận dạng (4T: một số chữ cái, 5T: các chữ cái). ` Tập tô, tập đồ các nét chữ.		* HD chơi theo ý thích: Trẻ dùng các kí hiệu để làm thiệp chúc	
197	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	20/10 cho mẹ, cô... ` Trò chuyện nhận dạng chữ cái a,ă,â	

					` Tạo chữ cái bằng các nguyên liệu: dây len, vòng... - chơi buổi chiều :Tô chữ cái trong vở, trên sân trường.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
199	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ bản thân	* 3,4T: ` Tên, tuổi, giới tính - Chăm sóc, bảo vệ bản thân		* HĐH: - KNXH: Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh - HĐ chơi theo ý thích - Trò chuyện ,xem tranh ảnh về các bạn trong lớp.	
200	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ. - Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ bản thân				
201	5	Trẻ biết được giới tính và các vùng riêng tư của bản thân, biết cách bảo vệ cơ thể không bị xâm hại Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)		
202	3	Trẻ nói được điều bé thích,		` Những điều bé thích	*HĐH: - KNXH: Bé	

		không thích.		, không thích.	cần gì để lớn lên khỏe mạnh	
203	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	* 4,5T: ` Sở thích, khả năng của bản thân.		* HĐ chơi theo ý thích - Trò chuyện, xem tranh ảnh về bản thân. Trẻ biết được mình có điểm gì giống và khác bạn - Góc Tạo hình: Xếp hình bạn trai, bạn gái... - Giờ đón trả trẻ: ` Trò chuyện về bản thân trẻ và các bạn trong lớp học. - HĐG: Góc xây dựng, góc phân vai,... trẻ biết tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong * HĐ Lao động: Lau đồ dùng đồ chơi các góc	
204		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.				
205		Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.				
206	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	` Điểm giống khác nhau của mình với người khác.			
207		Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.			
208		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)			
209		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.				
211	3	- Trẻ biết được một số quyền cơ bản của con người: Quyền được sống,	- Quyền được sống, quyền		* HĐH: Trẻ được học tập, được bày tỏ ý kiến của mình, thích	

		quyền được bảo vệ, quyền được tham gia	được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.		hay không thích...	
212	4	- Trẻ biết được 1 số quyền cơ bản như: quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.			* <i>HD chơi theo ý thích</i> - Trò chuyện, xem tranh ảnh video một số Quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.	
213	5	Trẻ biết được 1 số quyền cơ bản như: quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia.				
217	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (4 tuổi tranh ảnh ; 5 tuổi tranh ảnh/ âm nhạc)		* <i>HD chơi theo ý thích:</i> - Trong giờ chơi buổi chiều: Nhận biết một số cảm xúc vui, buồn, giận dữ qua trò chơi: Gương mặt của bé	
218	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.			- Trò chuyện xem tranh ảnh, video một số cảm xúc.	
219	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua			Chơi trong giờ - HDG: + Góc TH: Tô màu những khuôn mặt,	

		nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			biểu cảm(Vui, buồn, tức giận...)	
223	5	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	*HDC: - Giờ đón trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ và trẻ biết nói sở thích của bản thân khi được hỏi	
224		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân(CS29)		` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Chơi góc phân vai: Trẻ biết động viên nhau, an ủi, chia sẻ với bạn trong khi chơi	
231	4	Trẻ biết một vài lễ hội	* 4,5T: ` Quan tâm lễ hội của quê hương, đất nước		*HĐH: - Trò chuyện về ngày 20/10	
232	5	Trẻ biết một vài lễ hội của quê hương, đất nước ngày 20/10 ngày phụ nữ			* HĐ chơi theo ý thích: Trò chuyện với trẻ về ngày hội 20/10, ngày của bà, mẹ.	
236	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	` Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).		* HĐ chơi theo ý thích - Giờ đón trả trẻ: GV nhắc trẻ chào cô, bố ,mẹ...	
237	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)			
238	5					
245	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.		* HĐ ăn ngủ vệ sinh: giờ vệ sinh + Nhắc nhở xếp hàng rửa tay, rửa mặt,	
246	5	Trẻ biết chờ đến lượt.				

					+ Nhắc nhở chờ đến lượt để đi vệ sinh cá nhân	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ						
265	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	* HD học: - Âm nhạc: + NH: Khúc hát đôi bàn tay... * HD chơi theo ý thích: - Góc âm nhạc: Nghe, hát, múa một số bài hát về bản: NH: Khúc hát đôi bàn tay, ru con, bông hồng tặng cô,... thân - HD chơi theo ý thích: Nghe cô kể chuyện gấu con bị sâu răng.	
266	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)			
267	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu		` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.		

		chuyện.				
268	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.				
269	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	` 3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát</p> <p>` 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		*HDC: - HD chơi ở góc âm nhạc: - Dạy hát: Cái mũi, Bông hồng tặng cô ... Cô cho trẻ nghe các bài hát trong chủ đề.	
270	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...				
271	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	` 4-5T: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	*Hoạt động học: - Âm nhạc: DVD: Tay thơm tay ngoan	
272	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	` 3-4-5T: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp (3T); tiết tấu (4-5T).		Biểu diễn văn nghệ - HDC: + Góc âm nhạc: + Hát vận động ở góc âm nhạc,	
273	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		

		thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu)				
277	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.			* HD học: - Tạo hình: - Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên cơ thể. - Xé dán hoa 4 cánh 5 cánh tặng bà và mẹ 20/10. * HD chơi theo ý thích: - HDG: chơi góc tạo hình: Tô, vẽ: những bộ phận còn thiếu trên cơ thể. - Nặn quần áo, mũ, đồ chơi. - Nặn hình người - Cắt dán quần áo - Xé lá cây, giấy để tạo hình người. - Trẻ xé dán khuôn mặt bạn trai, bạn gái xé dán tóc.... - Góc học tập: ` Làm album về chủ đề bản thân	
278		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.- Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.				
279		Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.				
280		Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.				
281		Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.				
282	4	Trẻ có thể xé, cắt theo đường		Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/		

		thẳng, đường cong,,,và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: Hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.			
283		Trẻ biết làm lổm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết			
284		Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			
285		Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			
286	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: Hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện	đường nét.	- Hoạt động ngoài trời, góc sáng tạo - Xếp hạt, que, nan tre tạo thành hình người, các bạn tập thể dục	
			Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.		

		nhiệm vụ chung.				
287		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.				
288		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.				
289	3	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình; nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, (bố cục 5T)		* Hoạt động học: giờ tạo hình - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình theo bố cục. - Trẻ nhận xét sáng tạo các sản phẩm	
290	4	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.				
291	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.				
297	3	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		` Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	* HĐC: - Góc tạo hình, góc sáng tạo... - HĐ chơi theo ý thích: Trẻ sáng tạo ra sản phẩm yêu thích của bản thân + trẻ nói lên ý tưởng của	
298	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
299	5			Tìm kiếm, lựa chọn các		

				dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	mình.	
300	3	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.		* HD học: giờ tạo hình: - Trẻ đặt tên cho các sản phẩm của mình trong các giờ hoạt động như: Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên cơ thể * HDC: Các giờ chơi ở các góc sáng tạo, góc tạo hình....	
301	4					
302	5					

KẾ HOẠCH TUẦN CHỦ ĐỀ: CƠ THỂ KÌ DIỆU CỦA BÉ

Tuần	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần 1 Cơ thể tôi? (30/09-04/10/2024)	- 3t: Bật về phía trước 4t: Bật liên tục về phía trước 5t: Bật liên tục vào vòng	Bé giới thiệu về mình	Xác định vị trí đồ vật: Phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau so với bản thân trẻ, so với vật khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.	Thor: Tay ngoan	DVD: Tay thơm tay ngoan Nh: Khúc hát đôi bàn tay. Tc: Vũ điệu hóa đá
	HĐCNT: QS Cây hoa cúc	HĐCNT: Lau lá	HĐCNT: QS Cây hoa ngọc thảo	HĐCNT : QS Sự thay đổi của cây	HĐCNT: QS cây hoa mười giờ
	TCTV: Cái miệng, đôi mắt, cái mũi	TCM: Chạy tiếp cờ	TCTV: Bàn tay, vỗ tay, bàn chân		
Tuần 2 Bé cần gì để khỏe mạnh (07-11/10/2024)	- 3+4T : Bò chui qua qua cổng 5t: Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cm dài 4-5m	Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên cơ thể	LQCC: a, ã, â	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn (Phía phải, phía trái).
	HĐCNT: QS: Bồn hoa	HĐCNT: QS: Cây ổi	HĐCNT: Nhặt lá	HĐCNT: QS Sự thay đổi của cây	HĐCNT: QSTN thời tiết

	TCTV: Đôi chân, đôi tai, cái lưỡi	TCM: Tạo dáng	TCTV: Phía phải, phía trái, phía trên		
Tuần 3 Ngày hội của bà của mẹ (14-18/10/2024)	Trò chuyện về ngày 20/10	Xé dán hoa 4 cánh 5 cánh tặng bà và mẹ 20/10	Tập tô: a, ă, â.	Kể chuyện cho trẻ nghe: Gấu con bị sâu răng	Biểu diễn văn nghệ.
	HĐCNT: QS Vật chìm nổi	HĐCNT: Lau lá	HĐCNT: QSTN Thời tiết	HĐCNT: QS Bồn hoa	HĐCNT: QS Sự thay đổi của cây
	TCTV: Phía dưới, ở giữa, nắm tay	TCM: Tìm đúng nhà	TCTV: Khẩu trang, áo khoác, mũ len.		

NGƯỜI LẬP

TỔ CHUYÊN MÔN

BGH NHÀ TRƯỜNG

Tòng Thị Thương

Ngô Thị Hiên

Nguyễn Thị Hiên